

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HS-ST

Ngày 04-12-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mộng Lành và ông Bùi Minh Cảnh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đoàn Minh Dương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:* Ông Trần Khánh Trường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 11 và ngày 04 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Thị T, sinh năm 1983 tại huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 6, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q và bà Ngô Thị . Có chồng trước tên Trương Văn T, sinh năm 1981 (không có đăng ký kết hôn, hiện không còn sống chung), chồng sau tên Nguyễn Văn L, sinh năm 1989 (không có đăng ký kết) và có 03 người con lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2017; T án, T sự: Có 01 T sự vào ngày 08/02/2019 thực hiện Hình vi phạm cấp tài sản bị Công an xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang xử phạt 1.500.000đ, bị cáo chưa nộp phạt. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/7/2019 đến ngày 17/9/2019 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Những người bị hại:

1. Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Trú tại: Ấp 7 Biển, xã N A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (có mặt);

Trú tại: Ấp X, xã N A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1972 (có mặt);
Trú tại: Ấp Xẻo Đồi, xã N A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.
2. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
Trú tại: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.
3. Anh Đoàn Phục N, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
Trú tại: Ấp 7, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 04/5/2019, Lê Thị T điều khiển xe mô tô WAVE màu đỏ - đen, biển kiểm soát 68M7-4051 chở theo con trai tên Nguyễn Minh T (sinh năm 2017) đi bán tép dạo. Khi đến nhà chị Lê Thị Mỹ H ngụ ấp 7, xã N A, huyện A, tỉnh Kiên Giang thì T ghé lại kêu bán hết số tép giá 150.000 đồng. Sau khi giao tép xong, T xin đi vào phía sau nhà chị H rửa tay và quan sát thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S màn hình cảm ứng, màu vàng nhạt để trên đầu tủ lạnh của chị H, không có người trông giữ. T lén lút lấy trộm bỏ vào túi áo khoát và quay trở ra gặp chị H lấy 150.000 đồng T bán tép rồi lên xe chạy đi. Ngày 07/5/2019, Lê Thị T mang điện thoại di động OPPO F1S lấy trộm của chị H bán cho tiệm điện thoại di động ở ấp 7, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (không rõ tên) được 500.000 đồng, dùng tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 15 giờ ngày 02/6/2019, Lê Thị T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68M7-4051 chở theo con trai Nguyễn Minh T đến sạp bán trái cây của bà Nguyễn Thị Thu H tại ấp X, xã N A, huyện A, tỉnh Kiên Giang giả vờ hỏi mua 25kg xoài chín và yêu cầu bà H chia ra nhiều bịch nylon, mỗi bịch 05 kg để tạo lòng tin. Trong lúc bà H đang lấy trái cây thì T nghe điện thoại rồi hỏi mượn bà H 500.000 đồng, lát sau chị H sẽ lại trả luôn cả T mua xoài. Bà H tưởng T là vợ Thum có quan hệ bà con nên quay sang kêu con gái là Nguyễn Thị T lấy tiền cho T mượn. T lấy 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng đưa cho T. Lúc này, Lê Thị T lợi dụng lúc bà H và chị T không để ý nên lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V5 màu vàng, màn hình cảm ứng của Nguyễn Thị T bỏ vào túi áo khoát rồi lên xe chở con đi về. Ngày 03/6/2019, Lê Thị T mang điện thoại đến cửa hàng điện thoại di động Nguyễn L tại ấp 7, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang bán được 800.000 đồng, T dùng tiêu xài cá nhân.

Khoảng 15 giờ ngày 04/6/2019, Lê Thị T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát

68M7-4051 chở theo con trai Nguyễn Minh T chạy ngang sạp bán trái cây của bà Nguyễn Thị Thu H tại ấp X, xã N A, huyện A, tỉnh Kiên Giang thì bị gia đình bà H và người dân phát hiện, giữ lại, giao cho Công an xử lý.

Tại Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐG ngày 03/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện A kết luận:

01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F1S cảm ứng, màu vàng nhạt, giá: 2.995.000 đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 18/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện A kết luận:

01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO V5 cảm ứng, màu vàng, giá: 4.792.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Tại văn bản số 01/CV-HĐĐG ngày 06/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện A xác định có nhầm lẫn trong áp dụng Thông tư 45/2018/TT-BTC trong việc xác định và áp dụng mức khấu hao tài sản đối với điện thoại di động hiệu VIVO V5 cảm ứng, màu vàng. Nay điều chỉnh lại cho đúng theo Thông tư 45/2018/TT-BTC: khấu hao mỗi năm là 20%, giá trị còn lại 60% là 3.594.000 đồng (Ba triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F1S cảm ứng, màu vàng nhạt; 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO V5 cảm ứng, màu vàng; 01 (một) sim điện thoại Vinaphone số thuê bao 0916890442; tiền Việt Nam 620.000 đồng (Sáu trăm hai mươi nghìn đồng); 01 (một) xe mô tô màu đỏ - đen, số máy 52FMH004621, số khung UM8XP-04621, biển kiểm soát 68M7-4051.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện An Biên đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thị T 01 (một) sim điện thoại Vinaphone số thuê bao 0916890442; Trả lại cho Lê Thị T số tiền Việt Nam 620.000 đồng (Sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F1S cảm ứng, màu vàng nhạt, Lê Thị T đã bán cho tiệm điện thoại di động không rõ tên, địa chỉ ở ấp 7, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO V5 cảm ứng, màu vàng, Lê Thị T đã bán cho tiệm điện thoại di động Nguyễn L ở ấp 7, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Sau đó chủ tiệm điện thoại di động bán lại cho người lạ mặt không rõ nhân thân lai lịch. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện An Biên đã tiến hành xác minh,

truy tìm nhưng không tìm được.

Tại bản cáo trạng số: 22/CT-VKS-HS ngày 12/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Văn bản số 01/TB-VKS-HS ngày 22 tháng 11 năm 2019 về việc bổ sung nội dung bản cáo trạng xác định đối với hành vi của bị cáo Lê Thị T mượn của bà Nguyễn Thị Thu H 500.000đ và bà Ngô Thị G số tiền 300.000đ sau thời điểm bị xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên xét thấy ý thức chủ quan của bị cáo không thể hiện mục đích lừa đảo để chiếm đoạt mà chỉ thông qua quen biết hoặc mua bán với nhau để hỏi mượn tiền của bà H và bà G để chi tiêu cá nhân, khi nào có đủ tiền sẽ hoàn lại. Do vậy hành vi của bị cáo không đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” hoặc “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nên không xem xét xử lý.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng pháp luật và xử phạt bị cáo như sau:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị T từ 03 tháng đến 06 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Trả lại cho bị cáo 01(một) xe mô tô màu đỏ - đen, số máy 52FMH004621, số khung UM8XP-04621, biển kiểm soát 68M7-4051, xét thấy bị cáo thực hiện Hnh vi là nhất thời.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo thống nhất bồi thường xong cho bị hại Lê Thị Mỹ H số T 2.000.000 đồng. Bị cáo Lê Thị T thống nhất bồi thường cho Nguyễn Thị T số T 4.792.000đ bị cáo đã bồi thường được 2.000.000đ, số tiền còn lại 2.792.000đ bị cáo tiếp tục phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị T. Đã trả lại xong cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền mượn 500.000 đồng.

Đối với Hnh vi bị cáo mượn bà Nguyễn Thị Thu H 500.000đ và bà Ngô Thị G 300.000đ không đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” hoặc “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nên không xem xét xử lý.

Ý kiến bị hại: Về trách nhiệm dân sự chị Lê Thị Mỹ Thị H đã nhận lại số tiền do bị cáo bồi thường giá trị chiếc điện thoại bị mất số tiền 2.000.000đ, ngoài ra không

yêu cầu gì thêm, chị Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại theo thỏa thuận là 2.792.000đ. Về trách nhiệm hình sự những người bị hại chị T và chị H đều yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và đã hối hận nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; tại phiên tòa đã làm rõ:

Khoảng 10 giờ ngày 04/5/2019, Lê Thị T điều khiển xe mô tô WAVE màu đỏ - đen, biển kiểm soát 68M7-4051 chở theo con trai tên Nguyễn Minh T (sinh năm 2017) đi bán tép dạo. Khi đến nhà chị Lê Thị Mỹ H ngụ ấp 7, xã N A, huyện A, tỉnh Kiên Giang, lợi dụng sự sơ hở của chị H, Lê Thị T lấy trộm 1 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F1S cảm ứng, màu vàng nhạt, trị giá theo Kết luận định giá là 2.995.000 đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Đến khoảng 15 giờ ngày 02/6/2019, Lê Thị T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68M7-4051 chở theo con trai Nguyễn Minh T đến sạp bán trái cây của Nguyễn Thị T tại ấp X, xã N A, huyện A, tỉnh Kiên Giang hỏi mua trái cây. T lợi dụng lúc chị T sơ hở, lấy trộm 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO V5 cảm ứng, màu vàng, trị giá theo Kết luận định giá là 3.594.000 đồng (Ba triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Do đó hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như luận tội của Viện kiểm sát là hoàn

toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Xét đối với hành vi của bị cáo Lê Thị T mượn của bà Nguyễn Thị Thu H 500.000đ và bà Ngô Thị Giúp số tiền 300.000đ không đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” hoặc “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nên không xem xét xử lý.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét về tính chất mức độ, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mặc dù bị cáo ý thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cho cá nhân mà không phải bỏ công sức lao động chân chính của mình, nên bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách bất hợp pháp, bằng con đường trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý không những xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại mà còn gây hoang mang dư luận trong nhân dân và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho những người bị hại, có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra biết ăn năn hối cải nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp: Trả lại cho bị cáo 01 (một) chiếc xe mô tô màu đỏ đen, số máy 52 FMH00461, số khung UM8XP – 04621 mang biển kiểm soát 68M7-4051.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo thống nhất bồi thường xong cho bị hại Lê Thị Mỹ H số tiền 2.000.000 đồng. Bị cáo Lê Thị T thống nhất bồi thường cho Nguyễn Thị T số tiền 4.792.000 đồng, bị cáo đã bồi thường được 2.000.000đ, số tiền còn lại 2.792.000đ bị cáo tiếp tục phải bồi thường cho chị T. Đã trả lại xong cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền mượn 500.000 đồng.

[7] Về quan điểm truy tố của Viện kiểm sát: Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo về hình phạt, trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp là phù hợp như Hội đồng xét xử đã phân tích ở trên.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.
Xử phạt bị cáo Lê Thị T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.
3. Về biện pháp tư pháp: Trả lại cho bị cáo Lê Thị T 01 (một) chiếc xe mô tô màu đỏ - đen, số máy 52 FMH00461, số khung UM8XP – 04621 mang biển kiểm soát 68M7-4051. Theo quyết định số 13/QĐ-VKS-HS ngày 12/11/2019 về việc chuyển giao vật chứng của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.
4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo với người bị hại Nguyễn Thị T, bị cáo tiếp tục bồi thường cho chị T với số tiền là 2.792.000đ (Hai triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng).
5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Thị T nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).
6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2018), đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Cơ quan THA dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Cơ quan điều tra cùng cấp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thị Gấm

- Trại tạm giam bị cáo;
- Bị cáo, bị hại;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.